TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 825/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Hội thẩm dự khuyết: 1. Ông Nguyễn Văn Khoái

2. Bà Đặng Thu Vân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 459/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/4/2022 về việc: *"**Tranh chấp ly hôn**"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 129/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Phương L, sinh năm: 1990**.**

Địa chỉ: 190 Đường T, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần H, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: 132/26B Đường D, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 05/4/2022, biên bản tự khai ngày 02/8/2020, các biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 30/5/2023, ngày 29/6/2023, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ bà Lê Nguyễn Phương L trình bày:

Bà L và ông Trần H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2019 do ông H không lo làm ăn, không chăm sóc vợ và các con, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên ông H và Bà L đã tự ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lê Phương L1, sinh ngày: 22/7/2010 và Trần Phương L2, sinh ngày: 22/3/2015. Sau khi ly hôn Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà L tự khai vợ chồng không thiếu nợ gì của ai.

Bị đơn: Ông Trần H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên Toà án không thu được lời khai và không hoà giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 – Bà Dương Thị Thanh Nhàn phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Phương L do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn. Con chung: Có 02 con chung: cháu Trần Lê Phương L1, sinh ngày: 22/7/2010 và cháu Trần Phương L2, sinh ngày: 22/3/2015. Sau khi ly hôn giao 02 con chung cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông H cho đến khi Bà L có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: không có. Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn Bà L phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Bà Lê Nguyễn Phương L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với ông Trần H nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập ông Trần H nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông Trần H đều vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ngày 14/7/2023, bà Lê Nguyễn Phương L có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa bà và ông Trần H. Do Bà L bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Lê Nguyễn Phương L và ông Trần H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nay Bà L yêu cầu được ly hôn là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với khoản 1 Điều 51 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2022 và biên bản tự khai ngày 02/8/2022, bà Lê Nguyễn Phương L yêu cầu được ly hôn với ông Trần H. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn gia đình phát sinh là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H không chăm lo cho gia đình, không hòa hợp nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, hòa giải được. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trần H đến Tòa hòa giải nhưng ông H vẫn cố tình không đến Tòa để hòa giải, chứng tỏ ông H không còn tha thiết muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà Lê Nguyễn Phương L, vì vậy yêu cầu của bà Lê Nguyễn Phương L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về con chung: Bà Lê Nguyễn Phương L và ông Trần H có 02 con chung tên Trần Lê Phương L1, sinh ngày: 22/7/2010 và Trần Phương L2, sinh ngày: 22/3/2015, hiện do Bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu L1 và cháu L2. Đồng thời tại bản tự khai ngày 06/9/2022 và biên bản lấy lời khai cùng ngày, cả 02 cháu Trần Lê Phương L1 và cháu Trần Phương L2 cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ là Bà L. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo lợi ích, điều kiện sống, sinh hoạt ổn định và nguyện vọng của con chung, xét việc Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 trẻ là cháu L1 và cháu L2, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con không trái pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ cần chấp nhận.

Ông Trần H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét về tài sản chung: Bà L tự khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Bà L tự khai xác nhận không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí ngày và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì Bà L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Ông Trần H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

1. Tuyên xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trần H.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Phương L ly hôn ông Trần H.

Về con chung: Có 02 con chung: cháu Trần Lê Phương L1, sinh ngày: 22/7/2010 và cháu Trần Phương L2, sinh ngày: 22/3/2015 giao Bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần H cho đến khi Bà L có yêu cầu.

Ông Trần H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, hoặc những người theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L tự khai tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: Bà L tự khai xác định không thiếu nợ ai nên tòa không xem xét.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng bà Lê Nguyễn Phương L phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0016811 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà L đã nộp đủ án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Toà án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THA DS Q8;
- UBND Phường 5, Quận 8, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh